



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, 02 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NỘI DUNG

I. Thông tin chung

- 1. Thông tin khái quát*
- 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*
- 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*
- 4. Định hướng phát triển*
- 5. Các rủi ro*

II. Tình hình hoạt động trong năm

- 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*
- 2. Tổ chức và nhân sự*
- 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án*
- 4. Tình hình tài chính*
- 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*
- 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

- 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*
- 2. Tình hình tài chính*
- 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*
- 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai*
- 5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán*
- 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*
- 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc*
- 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

V. Quản trị Công ty

- 1. Hội đồng quản trị*
- 2. Ban kiểm soát*

VI. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

FIDITOUR - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Công ty cổ phần Fiditour - tiền thân là một Trung tâm thương mại tổng hợp - đã trải qua chặng đường 30 năm phát triển (25/3/1989 – 25/3/2019). Cổ phiếu của Fiditour hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã FDT.

- Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt : Công ty cổ phần Fiditour.
- Tên tiếng Anh : Fiditour Joint Stock Company
- Tên viết tắt và giao dịch: Fiditour
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302044758, đăng ký lần đầu: ngày 24/1/2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 2/6/2016.
- Vốn điều lệ: 30.545.000.000 đồng.
- Thương hiệu và logo :



- Trụ sở Công ty:

* Địa chỉ: 127 – 129 – 129A Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

- * Điện thoại: 08. 3914 1414
- * Fax: 08. 3914 1363
- * E-mail: fidi@fiditour.com
- * Website: <http://www.fiditour.com>
- * Mã cổ phiếu: FDT

- Hệ thống chi nhánh:

- Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 43 A Ngô Quyền, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

- Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: 93 Hàm Nghi, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng.

- Chi nhánh Cần Thơ

Địa chỉ: Số 59 Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

- Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

* Chi nhánh Công ty Cổ phần Fiditour – Khách sạn Hoàng Gia

Địa chỉ: 12D Cách mạng Tháng 8, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

* Chi nhánh Công ty Cổ phần Fiditour – Khách sạn Tân Định

Địa chỉ: 50A Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Chi nhánh Công ty Cổ phần Fiditour – Khách sạn Đặng Dung

Địa chỉ: 54 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Kinh doanh vận chuyển khách theo hợp đồng bằng ô tô. Đại lý vé máy bay.
- Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng.

Địa bàn hoạt động: Trong nước và quốc tế.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị Công ty gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và bốn Phó tổng giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của các khối thông qua các Phó tổng giám đốc phụ trách khối.

Các phòng ban, đơn vị trực thuộc :

+ 08 Phòng Nghiệp vụ:

- Phòng Kế toán - Tài chính;
- Phòng Hành chính – Nhân sự;

- Phòng Tiếp thị - Đối ngoại - Truyền thông;
- Phòng Giao dịch;
- Phòng Dịch vụ khách hàng và Quản lý chất lượng;
- Phòng Công nghệ thông tin.
- Phòng Nghiên cứu và phát triển kinh doanh.
- Phòng Phát triển khách hàng cá nhân.

+ 10 Phòng Kinh doanh lữ hành và dịch vụ:

- Phòng Kinh doanh 1;
- Phòng Kinh doanh 2;
- Phòng Kinh doanh 3;
- Phòng Kinh doanh 4;
- Phòng kinh doanh 5;
- Phòng Kinh doanh 6;
- Phòng Dịch vụ hàng không;
- Trung tâm vận chuyển;
- Phòng Sự kiện.
- Hệ thống phân phối.

+ 04 Phòng Nghiệp vụ Lữ hành :

- Phòng Điều hành;
- Phòng Hướng dẫn;
- Phòng Kế toán lữ hành;
- Phòng Kế toán dịch vụ hàng không.

+ Hệ thống Chi nhánh gồm:

- Chi nhánh Hà Nội;
- Chi nhánh Đà Nẵng;
- Chi nhánh Cần Thơ.

4. Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu: Công ty lữ hành hàng đầu (trong top 5) và có chất lượng tốt nhất.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho các đối tượng khách hàng có nhu cầu.
- Các mục tiêu phát triển bền vững: Gắn hoạt động kinh doanh với đóng góp cho xã hội.

5. Các rủi ro

- Rủi ro môi trường và bất ổn chính trị: Dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường, bất ổn chính trị của các quốc gia trên thế giới làm thay đổi kế hoạch du lịch của du khách.
- Rủi ro nợ phải thu khó đòi: Đặc thù ở mảng dịch vụ hàng không, du lịch là mua trước, thanh toán sau, hoặc thanh toán sau một phần lớn dễ phát sinh các khoản nợ dây dưa, khó đòi.
- Rủi ro từ việc rò rỉ bí mật kinh doanh, quản trị: Chính sách giá, khách hàng, đối tác; chính sách khuyến khích, thu hút nhân tài bị sao chép, bắt chước...
- Rủi ro từ phía nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ không đúng chất lượng theo hợp đồng hoặc thỏa thuận đã ký kết.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

- Kết quả kinh doanh năm 2018 của Fiditour khá tốt, tăng trưởng về lợi nhuận cũng như lượng khách từng thị trường. Tất cả các lĩnh vực thị trường du lịch nội địa, du lịch nước ngoài, thị trường khách quốc tế đều đạt hiệu quả. Các Chi nhánh hoạt động ổn định, thương hiệu bắt đầu có sự lan tỏa và tạo được dấu ấn với nhiều khách hàng quan trọng, tất cả các chi nhánh đều có lãi, trong đó chi nhánh Cần Thơ đã có sự vươn lên mạnh mẽ.
- Lợi nhuận toàn Công ty năm 2018 đạt 9,430 tỷ, vượt kế hoạch đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Đạt được hiệu quả vừa nêu là nhờ Công ty đã đánh giá đúng tình hình biến chuyển của thị trường, đúng nhu cầu khách hàng, từ đó định hướng kinh doanh đã đi đúng vào thị phần khách hàng tiềm năng. Song song đó, chất lượng tour tiếp tục được quan tâm hàng đầu bằng việc lựa chọn đối tác, theo sát đốc thúc và áp dụng chính sách thưởng phạt cần thiết.
- Công tác quảng cáo, quảng bá được phát triển chuyên sâu. Song song với quảng bá sản phẩm cụ thể, Công ty cũng tiếp tục tham dự các hội chợ du lịch quốc tế, trong nước như ITB, JTB, VITM...
- Về sản phẩm: Hiện nay, dải sản phẩm cung cấp cho khách hàng khá phong phú, đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng.
- Mô hình kinh doanh tổng hợp dựa vào năng lực chính cốt lõi của từng đơn vị đã phát huy hiệu quả, một mặt làm gia tăng số lượng khách do có nhiều nguồn tiếp cận, mặt khác tạo điều kiện cán bộ quản lý phát huy năng lực, sở trường cá nhân khi có cơ hội tự điều hành độc lập.
- Năm 2018, Công ty đã có nhiều cải thiện trong quy trình hoạt động, mối quan hệ phối hợp nội bộ được đẩy mạnh, công tác tuyển dụng nhân sự dựa trên tính hiệu quả nhanh, công tác đào tạo, tái đào tạo nhân viên được chú trọng tổ chức thường xuyên song song với bổ sung kiến thức, kinh nghiệm tuyển điếm.

+ Về công tác chăm sóc khách hàng: Hoàn thiện, áp dụng chính sách chăm sóc khách hàng theo tỷ trọng lợi nhuận mang lại cùng với các hình thức chăm sóc truyền thống khác.

+ Công tác nghiên cứu đầu tư phát triển: Đã tập trung nghiên cứu sâu một số thị trường, khách hàng để định hướng kinh doanh tiếp cận, xây dựng sản phẩm và chào bán cho các khách hàng mục tiêu trong các ngành như dầu khí, dược...

+ Về nghĩa vụ đối với cổ đông: Công ty đã chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 với tỷ lệ 10% (dự kiến năm 2018 chi cổ tức 20%).

+ Về hoạt động trên thị trường chứng khoán: Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin kịp thời, đầy đủ theo định kỳ và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành: Ban tổng giám đốc có 05 thành viên

Cụ thể:

- Ông Nguyễn Việt Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Ông Đoàn Thiện Tánh - Phó Tổng giám đốc
- Bà Lê Thị Hoàng Hà – Phó Tổng Giám đốc, người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin cho doanh nghiệp.
- Ông Nguyễn Ngọc An- Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Thế Dũng- Phó Tổng Giám đốc

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

- Tổng giám đốc

Họ tên: NGUYỄN VIỆT HÙNG

- Năm sinh: 1958
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 028. 39141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1981 – năm 1985 : Cán bộ nghiên cứu Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tư lệnh TP.HCM
 - Từ năm 1985 – năm 1986 : Cán bộ nghiên cứu Văn phòng Quận ủy Quận I, TPHCM
 - Từ năm 1986 – năm 1989 : Chủ tịch UBND Phường 3, Quận I

- Từ năm 1989 – năm 2004 : Phó bí thư Chi bộ, Giám đốc Công ty TMDVDL Tân Định (FIDITOURIST) thuộc Tổng công ty Du lịch Sài Gòn (SAIGONTOURIST)

- Từ năm 2005 – đến nay: Phó bí thư Chi bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FIDITOUR

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.
- Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 19/01/2019: 618,180 cổ phần.
- Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 19/01/2019: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không.
- Các khoản lợi ích khác: không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

- Phó tổng giám đốc

Họ tên: ĐOÀN THIỆT TÁNH

- Năm sinh: 1961
- Nơi sinh: Tam Bình, Thủ Đức, TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 028. 39141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1979 – năm 1983: Tham gia LLVT, BCH. Quân sự Phường 4, Quận I.
 - Từ năm 1983 – năm 1989: Phó chủ tịch UBND Phường 4, Quận I
 - Từ năm 1989 – năm 1994: Bí thư Chi bộ kiêm Phó giám đốc Công ty TMDVDL Tân Định Fiditourist
 - Từ năm 1995 – năm 1998: Bí thư Chi bộ Công ty TMDVDL Tân Định (FIDITOURIST) kiêm Giám đốc Khách sạn Hoàng Gia
 - Từ năm 1998 – năm 2005: Bí thư Chi bộ kiêm Phó giám đốc Công ty TMDVDL Tân Định (FIDITOURIST)
 - Từ năm 2005 – nay: Bí thư Chi bộ, Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FIDITOUR
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 19/01/2019: 265,460 cổ phần.
- Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 19/01/2019: không có.
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không.
- Các khoản lợi ích khác: không.

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

- Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: TRẦN THẾ DŨNG

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1974
- Nơi sinh: Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 028. 39141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 - ✓ 10/1998 – 5/2012: Công ty CP Fiditour
 - ✓ 6/2012 – 6/2013: Khách sạn Gold Huế
 - ✓ 12/2013 – 1/2015: Công ty CP DV Du Lịch Chợ Lớn (Cholontourist)
 - ✓ 02/2015 – nay: Công ty CP Fiditour
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- * Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 19/01/2019: Không.
- * Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 19/01/2019: Không
- * Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- * Các khoản lợi ích khác: Không
- * Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- * Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: NGUYỄN NGỌC AN

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1976
- Nơi sinh: Diễn Châu - Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ninh Bình
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 028. 39141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học

- Quá trình công tác:

Từ tháng 2/1998 đến nay: làm việc tại Công ty TMDV DL Tân Định - Fiditourist nay là Công ty Cổ phần Fiditour, hiện là Phó Tổng giám đốc, kiêm: Giám đốc Chi nhánh Cần Thơ, Giám đốc chi nhánh Cần Thơ, Giám đốc chi nhánh Hà Nội.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: PTGD
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 19/01/2019.
- Số cổ phần sở hữu của cá nhân: Không.
- Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 19/01/2019: không.
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không.
- Các khoản lợi ích khác: không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

- Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: LÊ THỊ HOÀNG HÀ

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 028. 39141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính - kế toán
- Quá trình công tác:
1996 – 1998: Nhân viên kế toán Công ty cổ phần may – xây dựng Huy Hoàng
1999 – 2000: Nhân viên kế toán Công ty thương mại dịch vụ du lịch Tân Định
2001 – 2004: Phó phòng Kế toán tài vụ Công ty TMDVDL Tân Định

(Fiditourist)

2005 - nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần FIDITOUR

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- * Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 19/01/2019: 187,280 cổ phần.
- * Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 19/01/2019: Không.
- * Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không
- * Các khoản lợi ích khác: không
- * Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không
- * Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2017 | % tăng giảm |
|---|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 182,460,068,482 | 150,297,007,426 | +21% |
| Doanh thu thuần | 619,835,049,781 | 521,598,054,167 | +19% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 8,956,119,546 | 8,698,910,310 | +3% |
| Lợi nhuận khác | 474,621,892 | 298,644,931 | +59% |
| Lợi nhuận trước thuế | 9,430,741,438 | 8,997,555,241 | +5% |
| Lợi nhuận sau thuế | 7,548,539,159 | 8,682,496,645 | -13% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 10% | 8% | +25% |

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2017 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1.26 | 1.74 | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh | 0.98 | 1.28 | |
| <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> | | | |
| Nợ ngắn hạn | | | |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0.78 | 0.76 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 3.55 | 3.15 | |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 16.33 | 17.11 | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 3.4 | 3.47 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ phần:

- Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành 3.054.500
- Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành 3.054.500
- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

| Thành phần cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ | Ghi chú |
|----------------------|------------------|--------|---------|
| Cổ đông là pháp nhân | 600.298 | 19,65% | |
| Cổ đông là cá nhân | 2.454.202 | 80,35% | |
| Tổng cộng | 3.054.500 | 100 % | |

Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn: Căn cứ vào danh sách cổ đông số 45/2019 – FDT/VSD - ĐK ngày 17/01/2019 do VSD lập, cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ của Công ty trở lên bao gồm:

| Họ và tên | Địa chỉ | Số CMND/ ĐKKD | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|--|------------------------------------|------------------|------------|-------|
| Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH MTV (đại diện cho phần vốn nhà nước) | 23 Lê Lợi, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM | 0300625210 | 600.000 | 19,64 |
| Ông Nguyễn Việt Hùng | | 079058004128 | 618.180 | 20,23 |
| Ông Đoàn Thiện Tánh | | 020458805 | 265.460 | 8,69 |
| Bà Lê Thị Hoàng Hà | | 024825694 | 187.280 | 6,13 |
| Tổng cộng | | | 1.670.920 | 54,70 |

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1- Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng: Là đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch là chủ yếu, vì vậy nguyên vật liệu sử dụng phụ thuộc phần lớn vào các nhà cung cấp, đối tác trong và ngoài nước.

6.2- Tiêu thụ năng lượng: Tổng chi phí phải trả cho việc tiêu thụ điện: 1 tỷ đồng/năm. Tổng chi phí phải trả cho điện thoại, fax, truyền hình cáp: 600 triệu đồng/năm.

6.3- Tiêu thụ nước: Tổng chi phí phải trả cho việc tiêu thụ nước: 400 triệu đồng/năm

6.4- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường, giảm thiểu tối đa việc sử dụng các nguyên liệu khó tiêu hủy. Đội ngũ CBCNV bên cạnh việc tự thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường thì còn nhắc nhở, hướng dẫn du khách cùng phối hợp bảo vệ môi trường ở các điểm đến: không xả rác bừa bãi, tiết kiệm điện, nước, các vật dụng phải sử dụng nhiều đến nguồn nước.

6.5- Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng CBCNV: Tổng số lao động trong Công ty tính đến 31/12/2018 là 370 người.

- Chế độ làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ngày. Đối với bộ phận gián tiếp làm việc trong giờ hành chính và đảm bảo 40 giờ/ tuần. Đối với bộ phận làm việc trực tiếp như nhân viên khối lưu trú được bố trí làm việc theo ca, làm việc 48 giờ/ tuần.

- Chính sách lương

Đối với cán bộ công nhân viên làm việc gián tiếp Công ty trả lương theo thời gian. Đối với cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp, Công ty trả lương căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của từng cá nhân theo mức lũy tiến cùng nhiều hình thức ưu đãi cộng thêm khác...

- Chính sách khen thưởng

Áp dụng thưởng trực tiếp trên lãi cho đội ngũ nhân viên kinh doanh, thưởng theo thành tích của Công ty dựa trên kết quả hoạt động hàng năm.

- Chế độ phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ phúc lợi khác được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ khách hàng. Chính sách đào tạo cho nhân viên bao gồm: Đào tạo

chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng phục vụ khách hàng, kỹ năng bán hàng, kỹ năng hướng dẫn, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tiếp thị,...

6.6- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn quan tâm hỗ trợ các phong trào tại địa bàn nơi có trụ sở hoặc Chi nhánh của Công ty như ủng hộ Quỹ xóa đói giảm nghèo, khó khăn đột xuất, vận động hiến máu nhân dịp kỷ niệm thành lập Công ty như là một hoạt động định kỳ.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu: 620 tỷ
- Lợi nhuận trước thuế: 9,43 tỷ

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

- Bất động sản đầu tư: là giá trị quyền sử dụng đất mua vào trong năm. Giá trị của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị đang ghi sổ, vì vậy không có tổn thất do giảm giá.

b. Tình hình nợ phải trả:

Không có biến động lớn về khoản nợ cũng như về chênh lệch tỷ giá làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã thực hiện cơ chế kinh doanh tổng hợp, tạo điều kiện cho các đơn vị/cá nhân chủ động trong chào bán/ thực hiện dịch vụ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tập trung cải tiến chính sách và ứng dụng công nghệ để hỗ trợ quản lý cũng như giảm áp lực công việc cho nhân sự thực hiện.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Đồng ý.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2018, hoạt động của Công ty có sự phát triển rất tích cực. Các đơn vị thuộc khối lễ hành đều đạt lãi khá. Phòng Sự kiện đã đáp ứng được nhu cầu nội bộ và phát triển kinh doanh ra bên ngoài. Các chi nhánh hoạt động hiệu quả. Về công tác quảng bá, quảng cáo, chăm sóc khách hàng đều có sự phát triển hơn so với năm trước, các trang web của Công ty được quan tâm đầu tư, cải tiến giao diện. Việc xây dựng các sản phẩm mới cũng được chú trọng, mở thêm được thị phần và thu hút nguồn khách mới. Công ty tiếp tục củng cố chính sách chất lượng, thường xuyên trao đổi rút kinh nghiệm với các đối tác cung cấp dịch vụ để nhằm đảm bảo chất lượng ổn định đúng như cam kết với khách hàng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban tổng giám đốc Công ty

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị thường kỳ hoặc đột xuất. Kết thúc năm 2018, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều được phân công rõ ràng phụ trách từng khối và được ủy quyền để luôn chủ động trong công tác điều hành, chỉ đạo kinh doanh, kết quả kinh doanh năm 2018 đạt lãi trước thuế 9,43 tỷ.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị :

+ Giải pháp kinh doanh:

- Phát triển bán 3 dòng sản phẩm: phổ thông, siêu tiết kiệm và cao cấp.
- Tiếp tục hoàn thiện phần mềm nội bộ để đáp ứng nhu cầu kinh doanh và quản trị.
- Huấn luyện nhân viên các kỹ năng e-marketing hiệu quả, an toàn; sử dụng thành thạo các công cụ tiếp thị hiện đại.

+ Giải pháp quảng bá, chăm sóc khách hàng:

- Tiếp tục chuyển sang hình thức quảng bá online, mạng xã hội, thiết bị di động,...Nội dung quảng bá nêu bật thế mạnh của Fiditour: Dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt và Chất lượng dịch vụ cao.
- Gắn chặt để cải tiến việc chăm sóc khách hàng với nâng cao chất lượng và chuẩn hóa dịch vụ.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của HĐQT: Hội đồng quản trị có 09 thành viên, trong đó có 02 thành viên quản trị độc lập.

* Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|----------------------|----------------------------------|---------------------------------|---------------------|-------|---------------------|
| 01 | Ông NGUYỄN VIỆT HÙNG | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 19/4/2018 | 03 | 100% | |
| 02 | Ông HỒ ANH TUẤN | Phó chủ | 19/4/2018 | 03 | 100% | |

| | | | | | | |
|----|----------------------|---|-----------|----|------|--|
| | | tịch | | | | |
| 03 | Bà NGUYỄN THỊ HOA | Ủy viên | 19/4/2018 | 03 | 75% | |
| 04 | Ông ĐOÀN THIÊN TÁNH | Ủy viên kiêm Phó Tổng giám đốc | 19/4/2018 | 03 | 100% | |
| 05 | Bà LÊ THỊ HOÀNG HÀ | Ủy viên | 19/4/2018 | 03 | 100% | |
| 06 | Ông NGUYỄN QUÝ HOÀNG | Ủy viên | 19/4/2018 | 03 | 100% | |
| 07 | Bà ĐỖ THỊ NGỌC | Ủy viên | 19/4/2018 | | 100% | |
| 08 | Ông LÊ PHONG TRẦN | Ủy viên | 19/4/2018 | 03 | 100% | |
| 09 | Bà TRƯƠNG THỊ TÚ ANH | Ủy viên | 19/4/2018 | 02 | 67% | |

1. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- + Giám sát việc thực hiện các nội dung, chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.
- + Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, kiểm tra thường xuyên việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- + Kiểm tra kết quả kinh doanh năm 2018.
- + Triển khai thực hiện các giải pháp kinh doanh, quảng bá, chăm sóc khách hàng nhằm gia tăng hiệu quả, lợi nhuận.

2. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Chưa thành lập tiểu ban.

3. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|----------------------|-----------|---|
| 01 | Số: 01/NQ. HĐQT.2018 | 08/3/2018 | Chuẩn bị nội dung họp Đại hội đồng cổ đông: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2017, định hướng hoạt động năm 2018, đề cử nhân sự tham gia HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 - 2022. |
| 02 | Số: 02/NQ.HĐQT.2018 | 05/4/2018 | Thông qua tài liệu trình bày tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 tổ chức ngày 19/4/2018. |
| 03 | Số: 03/NQ.HĐQT.2018 | 19/4/2018 | Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT, Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, cử thành viên đảm nhiệm công việc quản trị Công ty. Bổ nhiệm |

| | | | |
|----|---------------------|------------|--|
| 04 | Số: 04/NQ.HĐQT.2018 | 15/8/2018 | bộ máy điều hành Công ty. Báo cáo tình hình kinh doanh 6 tháng năm 2018 và một số công việc khác. |
| 05 | Số: 04/NQ.HĐQT.2018 | 27/11/2018 | Báo cáo tình hình kinh doanh 10 tháng 2018, chuẩn bị kế hoạch kinh doanh 2019 và thông qua một số chủ trương định hướng. |

* *Ban kiểm soát*: Có 05 thành viên.

* Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------------|----------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------------|-------------------------|
| 01 | Ông Nguyễn Thanh Hải | Trưởng ban kiểm soát | 19/4/2018 | 02 | 100% | |
| 02 | Ông Đinh Lê Chiến | Ủy viên | 19/4/2018 | 02 | 100% | |
| 03 | Ông Bùi Tấn Tài | Ủy viên | 19/4/2018 | 02 | 100% | |
| 04 | Bà Nguyễn Thị Bảo Ngân | Ủy viên | 19/4/2018 | 02 | 100% | |
| 05 | Bà Đặng Thái Quỳnh Anh | Ủy viên | 19/4/2018 | 02 | 100% | |

- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

+ Kiểm tra nội bộ, kiểm tra báo cáo tài chính năm 2017;

+ Soát xét báo cáo kinh doanh quý, 6 tháng, năm 2018;

+ Chuẩn bị cho Đại hội cổ đông thường niên năm 2018: Thẩm tra tư cách cổ đông; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Định kỳ và đột xuất, Trưởng ban kiểm soát tham dự các buổi họp của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành để cùng nắm thông tin, giám sát kịp thời.

3. Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

- Giao dịch cổ phiếu:

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--|---------------------------|--------|----------------------------|-------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 01 | Ông Nguyễn Việt Hùng | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 463.190 | 15.1 | 614.400 | 20.11 | Ngày 21/8/2018 mua 151.210 cổ phiếu |
| 02 | Ông Đoàn Thiện Tánh | Thành viên Hội đồng quản trị | 197.310 | 6.46 | 265.460 | 8.69 | Ngày 21/8/2018 mua 151.210 cổ phiếu |
| 03 | Bà Lê Thị Hoàng Hà | | 27.140 | 0.0089 | 187.280 | 6.130 | Ngày 21/8/2018 mua 151.210 cổ phiếu |
| 04 | Ông Bùi Tấn Tài | Thành viên Ban kiểm soát | 31.760 | 0.0104 | 31.760 | 0 | Ngày 05/7/2018 bán 31.760 cổ phiếu |
| 05 | Ông Nguyễn Thanh Hải | Trưởng Ban kiểm soát | 100.540 | 0.0329 | 100.540 | 0 | Ngày 05/7/2018 bán 100.540 cổ phiếu |
| 06 | Ông Lê Hoàng Sơn | Người có liên quan của thành viên HĐQT Lê Thị Hoàng Hà | 10.700 | 0.0035 | 10.700 | 0 | Ngày 25/7/2018 bán 10.700 cổ phiếu |
| 07 | Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Nguyễn Việt Hùng | 76.210 | 0.0151 | 76.210 | 0 | Ngày 25/7/2018 bán 76.210 cổ phiếu |

| | | | | | | | |
|----|--------------------|-------------------|--------|--------|--------|---|------------------------------------|
| 08 | Ông Nguyễn Ngọc An | Phó Tổng giám đốc | 10.700 | 0.0035 | 10.700 | 0 | Ngày 19/6/2018 bán 10.700 cổ phiếu |
| 09 | Ông Trần Thế Dũng | Phó Tổng giám đốc | 12.500 | 0.0041 | 12.500 | 0 | Ngày 19/6/2018 bán 12.500 cổ phiếu |

- Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty): Không.

- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: 05% /lợi nhuận trước thuế, số tiền: 471.537.071 đồng).

- Thu nhập của Ban Tổng giám đốc:

1. Ông Nguyễn Việt Hùng – Tổng giám đốc: 534.300.000 đồng.
2. Ông Đoàn Thiện Tánh – Phó Tổng giám đốc: 399.168.000 đồng.
3. Ông Nguyễn Ngọc An – Phó Tổng giám đốc: 745.121.200 đồng.
4. Ông Trần Thế Dũng – Phó Tổng giám đốc: 461.213.800 đồng.
5. Bà Lê Thị Hoàng Hà – Phó Tổng giám đốc: 417.608.000 đồng.

VI. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán:

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC *vu*

 NGUYỄN VIỆT HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

| | Trang |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 – 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 – 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 5 – 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 9 – 33 |

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|--|
| Ông Nguyễn Việt Hùng | Chủ tịch |
| Ông Hồ Anh Tuấn | Phó Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Hoa | Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018) |
| Bà Trương Thị Tú Anh | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày từ 19/04/2018) |
| Bà Lê Thị Hoàng Hà | Ủy viên |
| Ông Đoàn Thiện Tánh | Ủy viên |
| Ông Lê Phong Trần | Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018) |
| Ông Nguyễn Quý Hoàng | Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018) |
| Bà Đỗ Thị Ngọc | Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018) |
| Ông Đặng Trung Nghĩa | Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018) |
| Bà Thái Diệu Hà | Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018) |
| Ông Huỳnh Bá Lân | Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018) |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|--|
| Ông Nguyễn Thanh Hải | Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018) |
| Ông Vũ Văn Nhã | Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018) |
| Bà Nguyễn Thị Bảo Ngân | Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018) |
| Bà Đặng Thái Quỳnh Anh | Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018) |
| Ông Lâm Hải Đào | Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018) |
| Ông Đinh Lê Chiền | Ủy viên |
| Ông Bùi Tấn Tài | Ủy viên |

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|---|
| Ông Nguyễn Việt Hùng | Tổng Giám đốc |
| Ông Đoàn Thiện Tánh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đặng Trung Nghĩa | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018) |
| Ông Nguyễn Ngọc An | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Thế Dũng | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Lê Thị Hoàng Hà | Phó Tổng Giám đốc |

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Số: 19.132/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2019 từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

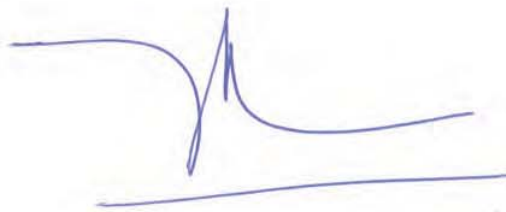
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Fiditour tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Lý Trung Thành
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2822-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 |
|--|------------|------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 162.214.338.206 | 128.420.002.927 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.1 | 34.036.057.187 | 41.116.738.139 |
| 1. Tiền | 111 | | 34.036.057.187 | 27.060.738.139 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 14.056.000.000 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 92.078.915.950 | 50.903.089.312 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 4.2 | 52.934.823.044 | 26.773.040.134 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 4.3 | 28.924.637.685 | 14.378.154.823 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 4.4 | 10.219.455.221 | 9.751.894.355 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | | 35.321.304.534 | 34.187.221.531 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 4.5 | 35.321.304.534 | 34.187.221.531 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 778.060.535 | 2.212.953.945 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 778.060.535 | 1.499.873.744 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 20.914.638 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 4.12 | - | 692.165.563 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 20.245.730.276 | 21.877.004.499 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 683.824.400 | 625.824.400 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 4.4 | 683.824.400 | 625.824.400 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 8.528.289.332 | 9.534.495.765 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.7 | 8.503.438.496 | 9.482.534.925 |
| Nguyên giá | 222 | | 46.675.710.613 | 46.675.710.613 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (38.172.272.117) | (37.193.175.688) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.6 | 24.850.836 | 51.960.840 |
| Nguyên giá | 228 | | 315.932.576 | 315.932.576 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (291.081.740) | (263.971.736) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | 4.8 | 10.533.974.561 | 10.481.340.586 |
| Nguyên giá | 231 | | 10.533.974.561 | 10.481.340.586 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 4.9 | 264.000.000 | 342.000.000 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 600.000.000 | 600.000.000 |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (336.000.000) | (258.000.000) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 235.641.983 | 893.343.748 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 235.641.983 | 893.343.748 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 182.460.068.482 | 150.297.007.426 |

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2018

Mẫu B 01 – DN


Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 |
|--|------------|------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 142.389.723.519 | 114.082.226.173 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 128.892.723.519 | 73.664.318.907 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 4.10 | 7.413.419.924 | 4.706.241.244 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 4.11 | 43.487.187.362 | 36.191.021.552 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 4.12 | 1.999.787.894 | - |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.785.016.000 | 2.009.734.603 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 4.13 | 2.740.895.865 | 2.935.110.268 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 4.16 | 41.265.616.638 | 18.850.115.337 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 4.14 | 5.057.136.295 | 5.442.856.759 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 4.16 | 23.648.906.361 | 3.455.108.764 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.494.757.180 | 74.130.380 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 13.497.000.000 | 40.417.907.266 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 4.14 | 13.497.000.000 | 40.417.907.266 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 40.070.344.963 | 36.214.781.253 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.17 | 40.070.344.963 | 36.214.781.253 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 30.545.000.000 | 30.545.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 30.545.000.000 | 30.545.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 4.700.254.226 | 5.619.350.826 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 4.825.090.737 | 50.430.427 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | 1.581.051.579 | (3.604.866.218) |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 3.244.039.158 | 3.655.296.645 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 182.460.068.482 | 150.297.007.426 |



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2019


Lê Thị Hoàng Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thảo Vi
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu B 02 – DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2018 | Năm 2017 |
|---|-------|--------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.1 | 620.034.824.512 | 521.904.085.983 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 199.774.731 | 306.031.816 |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 619.835.049.781 | 521.598.054.167 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.2 | 567.651.726.184 | 480.969.027.817 |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 52.183.323.597 | 40.629.026.350 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 500.106.992 | 3.051.351.310 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 1.533.792.054 | 1.797.526.852 |
| Trong đó, chi phí lãi vay | 23 | | 675.434.094 | 1.085.254.245 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 5.3 | 11.749.100.934 | 9.482.023.885 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 5.4 | 30.444.418.055 | 23.701.916.613 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 8.956.119.546 | 8.698.910.310 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 477.452.339 | 449.722.974 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 2.830.447 | 151.078.043 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 474.621.892 | 298.644.931 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 9.430.741.438 | 8.997.555.241 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.6 | 1.882.202.279 | 315.058.596 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 7.548.539.159 | 8.682.496.645 |
| 17. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 4.17.4 | 2.062 | 2.651 |
| 18. Lãi/(Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 4.17.4 | 2.062 | 2.651 |



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Lê Thị Hoàng Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo Vi
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2018 | Năm 2017 |
|--|-------|------|-------------------------|-----------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 9.430.741.438 | 8.997.555.241 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 5.6 | 1.006.206.433 | 1.375.368.677 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 78.000.000 | - |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (51.597.769) | - |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (305.251.802) | (2.853.603.810) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 675.434.094 | 1.085.254.245 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 10.833.532.394 | 8.604.574.353 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (40.520.746.437) | (2.272.765.353) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (1.134.083.003) | (12.153.453.855) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 5.676.954.308 | 51.232.569.922 |
| Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.379.514.974 | (508.702.103) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (675.434.094) | (1.085.254.245) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 4.12 | (326.283.342) | - |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (919.096.600) | (540.453.400) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (25.685.641.800) | 43.276.515.318 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 5.629.349.250 |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 305.251.802 | 263.034.560 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 305.251.802 | 5.892.383.810 |

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2018 | Năm 2017 |
|---|-----------|------------|------------------------|-------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 6.1 | 56.452.035.258 | 30.150.958.069 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 6.2 | (36.258.237.661) | (53.284.385.332) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu | 36 | | (1.945.686.320) | (4.887.200.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 18.248.111.277 | (28.020.627.263) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM | 50 | | (7.132.278.721) | 21.148.271.865 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 4.1 | 41.116.738.139 | 19.968.466.274 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 51.597.769 | - |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM | 70 | 4.1 | 34.036.057.187 | 41.116.738.139 |



Nguyễn Việt Hùng
 Nguyễn Việt Hùng
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Lê Thị Hoàng Hà
 Lê Thị Hoàng Hà
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo Vi
 Nguyễn Thị Thảo Vi
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B 09 – DN****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 02 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần lượt là 30.545.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 370 (31/12/2017: 329).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp;
- Điều hành tour du lịch, vận tải hành khách đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|--|--|
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Fiditour | 127 – 129 – 129A Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |
| Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Cần Thơ | 59 Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |
| Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Đặng Dung | 54 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |
| Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Hoàng Gia | 12D Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |
| Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Tân Định | 50A Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ chí Minh |
| Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Hà Nội | 43A Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |
| Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Đà Nẵng | 47B Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank).
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

3.5. Nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Chi phí sản xuất dở dang là chi phí của các tour đã và đang thực hiện dở dang đang trong quá trình tập hợp chi phí chờ quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

| | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 – 10 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 06 – 11 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 07 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 – 08 năm |

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu của dịch vụ tour đã hoàn thành nhưng chi phí thực hiện tour chưa thể xác định một cách đáng tin cậy để ghi nhận giá vốn tương ứng. Doanh thu chưa thực hiện sẽ được tính, xác định và kết chuyển vào doanh thu trong năm khi chi phí của các tour du lịch tương ứng đã được xác định một cách đáng tin cậy.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Tại ngày 31/12/2018 VND | Tại ngày 01/01/2018 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 6.535.370.412 | 4.367.090.587 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 27.500.686.775 | 22.693.647.552 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 14.056.000.000 |
| Cộng | 34.036.057.187 | 41.116.738.139 |

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của các khách hàng có số dư phải thu mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2018 VND | Tại ngày 01/01/2018 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu từ hoạt động hướng dẫn du lịch | 27.754.371.291 | 6.827.376.227 |
| Phải thu từ hoạt động bán vé máy bay | 16.729.622.191 | 16.557.166.364 |
| Phải thu từ hoạt động khác | 8.450.829.562 | 3.388.497.543 |
| Cộng | 52.934.823.044 | 26.773.040.134 |

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các khoản trả trước thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của công ty.

Trả trước ngắn hạn cho người bán được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2018 VND | Tại ngày 01/01/2018 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Trả trước cho hoạt động hướng dẫn du lịch | 5.490.584.828 | 1.692.739.154 |
| Trả trước cho hoạt động bán vé máy bay | 22.107.624.880 | 11.616.096.372 |
| Trả trước cho hoạt động khác | 1.326.427.977 | 1.069.319.297 |
| Cộng | 28.924.637.685 | 14.378.154.823 |

4.4. Phải thu khác

| | Tại ngày 31/12/2018 VND | | Tại ngày 01/01/2018 VND | |
|---------------|----------------------------|----------|----------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn: | | | | |
| Tạm ứng | 9.316.015.935 | - | 8.871.743.098 | - |
| Phải thu khác | 903.439.286 | - | 880.151.257 | - |
| Cộng | 10.219.455.221 | | 9.751.894.355 | - |
| Dài hạn: | | | | |
| Ký quỹ | 683.824.400 | - | 625.824.400 | - |

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Hàng tồn kho

| | Tại ngày 31/12/2018 | | Tại ngày 01/01/2018 | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | - | - | 254.270 | - |
| Công cụ, dụng cụ | - | - | 423.187.491 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang [*] | 35.321.304.534 | - | 33.763.779.770 | - |
| Cộng | 35.321.304.534 | - | 34.187.221.531 | - |

[*] Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu là tập hợp chi phí của các tour du lịch chưa được quyết toán, được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2018 VND | Tại ngày 01/01/2018 VND |
|--------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi nhánh Lữ Hành | 31.412.838.928 | 26.440.153.905 |
| Chi nhánh Phòng Vé | 715.477.441 | 2.225.136.779 |
| Chi nhánh Hà Nội | 1.359.066.726 | 3.510.868.614 |
| Chi nhánh Đà Nẵng | 1.523.588.957 | 672.794.354 |
| Chi nhánh Cần Thơ | 310.332.482 | 914.826.118 |
| Cộng | 35.321.304.534 | 33.763.779.770 |

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Phần mềm máy vi tính VND |
|----------------------------|--------------------------------|
| Nguyên giá: | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 315.932.576 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 315.932.576 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 263.971.736 |
| Khấu hao trong kỳ | 27.110.004 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 291.081.740 |
| Giá trị còn lại: | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 51.960.840 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 24.850.836 |

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Cộng VND |
|----------------------------|----------------------------------|--------------------------|---|-------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá: | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 29.705.558.229 | 4.497.687.950 | 9.853.977.918 | 2.618.486.516 | 46.675.710.613 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 29.705.558.229 | 4.497.687.950 | 9.853.977.918 | 2.618.486.516 | 46.675.710.613 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 27.453.998.645 | 3.625.200.758 | 3.876.759.525 | 2.237.216.760 | 37.193.175.688 |
| Khấu hao trong kỳ | 48.928.669 | 27.792.000 | 843.537.582 | 58.838.178 | 979.096.429 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 27.502.927.314 | 3.652.992.758 | 4.720.297.107 | 2.296.054.938 | 38.172.272.117 |
| Giá trị còn lại: | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 2.251.559.584 | 872.487.192 | 5.977.218.393 | 381.269.756 | 9.482.534.925 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 2.202.630.915 | 844.695.192 | 5.133.680.811 | 322.431.578 | 8.503.438.496 |

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 31.617.759.781 VND.

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Bất động sản đầu tư**

Là giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 50A Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh mua trong năm 2015 với mục đích đầu tư chờ tăng giá để bán.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tại ngày 31/12/2018
VND

| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
|---|--------------------|----------------------|----------------|--------------------|----------------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu | 200.000.000 | - | (*) | 200.000.000 | - | (*) |
| Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC | 400.000.000 | (336.000.000) | 64.000.000 | 400.000.000 | (258.000.000) | 142.000.000 |
| Cộng | 600.000.000 | (336.000.000) | | 600.000.000 | (258.000.000) | |

Tại ngày 01/01/2018
VND

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu 200.000.000 VND tương đương 6,1% vốn điều lệ.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần du lịch và thương mại DIC 400.000.000 VND tương đương 0,15% vốn điều lệ.

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC dựa trên cơ sở giá niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của công ty.

Toàn bộ khoản phải trả người bán ngắn hạn có số dư phải trả mỗi người bán dưới 10% tổng số phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và có khả năng trả nợ 100%.

Phải trả người bán ngắn hạn được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2018 VND | Tại ngày 01/01/2018 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải trả cho hoạt động hướng dẫn du lịch | 3.192.364.856 | 2.028.369.335 |
| Phải trả cho hoạt động bán vé máy bay | 3.328.804.655 | 1.681.894.797 |
| Phải trả cho hoạt động khác | 892.250.413 | 995.977.112 |
| Cộng | 7.413.419.924 | 4.706.241.244 |

4.11. Người mua trả trước ngắn hạn

Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các khoản trả trước thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của công ty.

Người mua trả tiền trước ngắn hạn được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2018 VND | Tại ngày 01/01/2018 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Trả trước cho hoạt động hướng dẫn du lịch | 39.768.216.589 | 29.289.202.663 |
| Trả trước cho hoạt động bán vé máy bay | 1.451.570.528 | 1.080.486.185 |
| Trả trước cho hoạt động khác | 2.267.400.245 | 5.821.332.704 |
| Cộng | 43.487.187.362 | 36.191.021.552 |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

| | Tại ngày 31/12/2018 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2018 | |
|----------------------------|---------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|----------|
| | Phải thu | Phải nộp | Phải nộp | Đã nộp | Phải thu | Phải nộp |
| | VND | | VND | | VND | |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 808.102.371 | 10.696.889.258 | 9.717.212.526 | 171.574.361 | - |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | - | - | 37.989.999 | - | 37.989.999 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 1.170.884.684 | 1.882.202.279 | 326.283.342 | 385.034.253 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 20.800.839 | 2.981.500.843 | 2.927.159.717 | 33.540.287 | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 64.026.663 | 1.000.000 | 63.026.663 | - |
| Các khoản phí, lệ phí | - | - | 1.000.000 | - | 1.000.000 | - |
| Cộng | - | 1.999.787.894 | 15.663.609.042 | 12.971.655.585 | 692.165.563 | - |

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | | Tại ngày 01/01/2018 | |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 |
| | VND | | VND | |
| Chi phí liên quan đến dịch vụ hướng dẫn du lịch đang thực hiện | 469.600.658 | 439.519.686 | 469.600.658 | 439.519.686 |
| Chi phí liên quan đến dịch vụ vé hàng không | 176.379.570 | 362.800.190 | 176.379.570 | 362.800.190 |
| Chi phí trích trước lương tháng 13 | 1.104.053.000 | 1.684.154.028 | 1.104.053.000 | 1.684.154.028 |
| Chi phí tổ chức hội nghị khách hàng | 462.226.273 | - | 462.226.273 | - |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 475.000.000 | 445.000.000 | 475.000.000 | 445.000.000 |
| Chi phí trích trước khác | 53.636.364 | 3.636.364 | 53.636.364 | 3.636.364 |
| Cộng | 2.740.895.865 | 2.935.110.268 | 2.740.895.865 | 2.935.110.268 |

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Phải trả khác

| | Tại ngày 31/12/2018 VND | Tại ngày 01/01/2018 VND |
|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn: | | |
| Kinh phí công đoàn | 536.656.772 | 505.224.099 |
| Bảo hiểm y tế | - | 480.115.467 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 25.076.141 | 86.925.029 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 4.495.403.382 | 4.370.592.164 |
| Cộng | 5.057.136.295 | 5.442.856.759 |
| Dài hạn: | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 13.497.000.000 | 40.417.907.266 |

4.15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 VND | Tại ngày 01/01/2018 VND |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Dịch vụ hướng dẫn du lịch | 39.338.576.519 | 18.679.232.758 |
| Hoạt động khác | 1.927.040.119 | 170.882.579 |
| Cộng | 41.265.616.638 | 18.850.115.337 |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2018 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2018 | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | 23.348.906.361 | 23.348.906.361 | 56.452.035.258 | 36.258.237.661 | 3.155.108.764 | 3.155.108.764 |
| Công đoàn Viện kiểm sát Nhân dân Quận 1, TP. HCM | 300.000.000 | 300.000.000 | - | - | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Cộng | 23.648.906.361 | 23.648.906.361 | 56.452.035.258 | 36.258.237.661 | 3.455.108.764 | 3.455.108.764 |

Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là các khoản vay theo Hợp đồng số 0159/1838/N-CTD với thời hạn 12 tháng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay chịu lãi suất trung bình 7,5% và phải được tái toán trong vòng 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này không có tài sản thế chấp.

Vay ngắn hạn Công đoàn Viện kiểm sát có thời hạn 1 năm với lãi suất 12%/năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này không có tài sản thế chấp.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | | Cộng VND |
|--|------------------------------------|------------------------------------|--|--|-----------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Quỹ đầu tư và phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 30.545.000.000 | 5.619.350.826 | (3.604.866.218) | | 32.559.484.608 |
| Lãi trong năm nay | - | - | 8.682.496.645 | | 8.682.496.645 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | (140.000.000) | | (140.000.000) |
| Tạm trích cổ tức 2017 | - | - | (4.887.200.000) | | (4.887.200.000) |
| Tại ngày 01/01/2018 | 30.545.000.000 | 5.619.350.826 | 50.430.427 | | 36.214.781.253 |
| Lãi trong năm nay | - | - | 7.548.539.159 | | 7.548.539.159 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 | - | - | (760.000.000) | | (760.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 | - | - | (1.250.000.000) | | (1.250.000.000) |
| Tạm trích cổ tức 2018 | - | - | (3.054.500.000) | | (3.054.500.000) |
| Tăng do điều chỉnh tỷ lệ cổ tức năm 2017 | - | - | 2.443.600.000 | | 2.443.600.000 |
| Giảm khác | - | (919.096.600) | (152.978.849) | | (1.072.075.449) |
| Tại ngày 31/12/2018 | 30.545.000.000 | 4.700.254.226 | 4.825.090.737 | | 40.070.344.963 |

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Tại ngày 31/12/2018 VND | Tại ngày 01/01/2018 VND |
|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Vốn góp của Nhà nước | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 24.545.000.000 | 24.545.000.000 |
| Cộng | 30.545.000.000 | 30.545.000.000 |

4.17.3. Cổ phiếu

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 3.054.500 | 3.054.500 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 3.054.500 | 3.054.500 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 3.054.500 | 3.054.500 |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.17.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.548.539.159 | 8.997.555.241 |
| Tạm Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | (1.250.000.000) | (900.000.000) |
| Lãi / (Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty | 6.298.539.159 | 8.097.555.241 |
| Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ | 3.054.500 | 3.054.500 |
| Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 2.062 | 2.651 |

4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại:

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 |
|-----|------------------------|------------------------|
| USD | 21.794,16 | 25.009,06 |

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch | 517.626.564.570 | 422.565.924.727 |
| Doanh thu bán vé máy bay và dịch vụ hàng không | 67.527.987.439 | 65.294.517.594 |
| Doanh thu tour F&E | 9.397.406.274 | 11.196.588.728 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn | - | 2.832.799.709 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống | - | 38.903.292 |
| Doanh thu cho thuê mặt bằng | 9.773.857.313 | 9.470.750.413 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển | 14.136.583.387 | 9.260.003.408 |
| Doanh thu hoạt động khác | 1.572.425.529 | 1.244.598.112 |
| Cộng | 620.034.824.512 | 521.904.085.983 |

5.2. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của dịch vụ hướng dẫn du lịch | 479.788.734.224 | 393.721.904.713 |
| Giá vốn của bán vé máy bay và dịch vụ hàng không | 65.534.878.195 | 60.322.192.094 |
| Giá vốn tour F&E | 3.454.707.588 | 9.796.692.587 |
| Giá vốn của dịch vụ khách sạn | - | 1.802.614.625 |
| Giá vốn của hoạt động cho thuê mặt bằng | 1.956.761.588 | 2.310.532.182 |
| Giá vốn của dịch vụ vận chuyển | 11.947.230.168 | 7.113.681.639 |
| Giá vốn của hoạt động khác | 1.043.631.957 | 739.022.268 |
| Giá vốn kinh doanh chung | 3.925.782.465 | 5.162.387.708 |
| Cộng | 567.651.726.184 | 480.969.027.817 |

5.3. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng chủ yếu là chi phí quảng cáo, tiếp thị, hội chợ, giới thiệu dịch vụ.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 20.594.043.636 | 15.852.046.189 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 1.011.535.250 | 450.193.020 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 135.558.846 | 503.395.323 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.459.472.240 | 1.247.030.425 |
| Chi phí bằng tiền khác | 7.243.808.083 | 5.649.251.656 |
| Cộng | 30.444.418.055 | 23.701.916.613 |

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 3.374.170.824 | 2.738.169.164 |
| Chi phí nhân công | 55.933.301.666 | 49.363.429.544 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.006.206.433 | 1.375.368.676 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 534.394.043.171 | 446.398.849.435 |
| Chi phí khác bằng tiền | 15.137.523.080 | 14.277.151.495 |
| Cộng | 609.845.245.174 | 514.152.968.314 |

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|---|----------------------|--------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm | 9.430.741.438 | 8.997.555.241 |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng | 42.343.524 | 329.642.643 |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm | (62.073.569) | (196.999.300) |
| Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang | - | (7.554.905.605) |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính | 9.411.011.393 | 1.575.292.979 |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính | 1.882.202.279 | 315.058.596 |
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 1.882.202.279 | 315.058.596 |

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

| | <u>Năm 2018</u> VND | <u>Năm 2017</u> VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 56.452.035.258 | 30.150.958.069 |

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

| | <u>Năm 2018</u> VND | <u>Năm 2017</u> VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | (36.258.237.661) | (53.284.385.332) |

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Dịch vụ hướng dẫn du lịch
- Bán vé máy bay và dịch vụ hàng không
- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
- Dịch vụ vận chuyển
- Chuyển nhượng bất động sản
- Dịch vụ khác

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

ĐVT: triệu đồng

| | Dịch vụ hướng dẫn du lịch | | Bán vé máy bay và dịch vụ hàng không | | Cho thuê máy bay | | Dịch vụ vận chuyển | | Dịch vụ khác | | Loại trừ | | Tổng cộng | |
|---|---------------------------|----------------|--------------------------------------|----------------|------------------|--------------|--------------------|---------------|--------------|--------------|------------------|------------------|----------------|----------------|
| | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 |
| Doanh thu | | | | | | | | | | | | | | |
| Từ khách hàng bên ngoài | 527.024 | 433.763 | 67.528 | 65.295 | 9.774 | 9.471 | 14.137 | 9.260 | 1.572 | 4.116 | - | - | 620.035 | 521.904 |
| Giữa các bộ phận | 22.758 | 20.857 | 110.436 | 94.256 | - | - | 16.640 | 16.440 | - | - | (148.447) | (131.553) | - | - |
| Cộng | 549.782 | 454.620 | 177.964 | 159.550 | 9.774 | 9.471 | 30.776 | 25.700 | 1.572 | 4.116 | (148.447) | (131.553) | 620.035 | 521.904 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | | | | | | | | | | | |
| Kết quả của bộ phận | 43.781 | 30.244 | 1.793 | 4.666 | 7.817 | 7.160 | 2.189 | 2.146 | 529 | 1.575 | - | - | 56.109 | 45.791 |
| Chi phí không phân bổ | | | | | | | | | | | | | 46.119 | 38.346 |
| Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính | | | | | | | | | | | | | 9.990 | 7.445 |
| Thu nhập tài chính | | | | | | | | | | | | | 500 | 3.051 |
| Chi phí tài chính | | | | | | | | | | | | | 1.534 | 1.798 |
| Thu nhập khác | | | | | | | | | | | | | 475 | 299 |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | | | | | | | | | | 9.431 | 8.998 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | | | | | | | | 1.882 | 315 |
| Lợi nhuận sau thuế | | | | | | | | | | | | | 7.549 | 8.682 |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

| | <u>Dịch vụ hướng dẫn du lịch</u> | | <u>Bán vé máy bay</u> | | <u>Hoạt động khác</u> | | <u>Loại trừ</u> | | <u>ĐVT: triệu đồng</u> | |
|-----------------------|----------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 |
| Tài sản của bộ phận | 84.081 | 47.046 | 40.385 | 21.979 | 57.994 | 81.272 | - | - | 182.460 | 150.297 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | | | | | |
| Tổng tài sản | | | | | | | | | 182.460 | 150.297 |

Dịch vụ hướng dẫn du lịch

| | <u>Dịch vụ hướng dẫn du lịch</u> | | <u>Bán vé máy bay</u> | | <u>Hoạt động khác</u> | | <u>Loại trừ</u> | | <u>Tổng công</u> | |
|---------------------------|----------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 01/01/2018 |
| Nợ phải trả của bộ phận | 92.146 | 20.891 | 41.836 | 36.611 | 8.408 | 56.580 | - | - | 142.390 | 114.082 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | | | | |

Tổng nợ phải trả

| | <u>Dịch vụ hướng dẫn du lịch</u> | | <u>Bán vé máy bay</u> | | <u>Hoạt động khác</u> | | <u>Loại trừ</u> | | <u>Tổng công</u> | |
|------------------|----------------------------------|----------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|-----------------|----------|------------------|----------|
| | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 |
| Chi phí khấu hao | 800 | 1.143 | - | 172 | 206 | 60 | - | - | 1.006 | 1.375 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

| | Thành phố Hồ Chí Minh | | Thành phố Hà Nội | | Thành phố Cần Thơ | | Thành phố Đà Nẵng | | Loại trừ | | ĐVT: triệu đồng | |
|-------------------------|-----------------------|----------------|------------------|---------------|-------------------|---------------|-------------------|--------------|------------------|------------------|-----------------|----------------|
| | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 |
| Doanh thu | | | | | | | | | | | | |
| Từ khách hàng bên ngoài | 548.700 | 463.064 | 29.765 | 25.380 | 34.048 | 28.499 | 7.522 | 4.654 | - | - | 620.035 | 521.597 |
| Giữa các bộ phận | 138.947 | 122.861 | 3.193 | 2.578 | 1.397 | 1.638 | 6.296 | 4.475 | (149.833) | (131.552) | - | - |
| Cộng | 687.647 | 585.925 | 32.958 | 27.958 | 35.444 | 30.137 | 13.818 | 9.129 | (149.833) | (131.552) | 620.035 | 521.597 |

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
- Nhân sự quản lý chủ chốt

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Thu nhập Tổng Giám đốc | 534.300.000 | 311.568.000 |
| Lương các nhân viên quản lý chủ chốt khác | 2.156.031.000 | 1.567.521.200 |
| Cộng | 2.690.331.000 | 1.879.089.200 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

| | Năm 2017 VND (Được báo cáo lại) | Năm 2017 VND (Đã được báo cáo trước đây) |
|--------------------------------------|--|---|
| Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 2.651 | 2.900 |

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2018 vào ngày 19 tháng 04 năm 2018. Báo cáo Tài chính năm 2017 được ghi nhận theo số tạm trích.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.


11. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Công ty là bị đơn và nguyên đơn trong một vụ kiện liên quan đến yêu cầu thanh toán tiền thuê mặt bằng từ tháng 10 năm 2007 và hoàn trả mặt bằng tại 127-129A Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện vụ kiện đang được các cơ quan chức năng thụ lý. Kết quả của vấn đề này hiện chưa thể xác định được và không có bất kỳ khoản dự phòng công nợ phải trả nào có liên quan được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.




Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2019


Lê Thị Hoàng Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thảo Vi
Người lập